

Số/ No: 32761.2510/KQ-VTT  
Mã số/ Code: KH.12732 2510  
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.31394 2510  
Trang/ Page: 1/ 1**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN  
Địa chỉ/ Address : Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/10/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 07-13/10/2025  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 14/10/2025  
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 1 lít  
Tên mẫu/ Name of sample : Nước Bể chứa Nhà máy nước Đồng Xuân  
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

| STT/<br>No. | CHỈ TIÊU<br>THỬ NGHIỆM/<br>PARAMETERS | PHƯƠNG PHÁP<br>PHÂN TÍCH/<br>TESTING METHOD | KẾT QUẢ/<br>RESULT               | ĐƠN VỊ TÍNH/<br>UNIT |
|-------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------|----------------------|
| 1.          | Arsenic (As) (*)                      | SMEWW 3030A,E:2023<br>SMEWW 3113B:2023      | Không phát hiện<br>(LOD = 0,002) | mg/L                 |

**Ghi chú/ Notes:**

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.  
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.  
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.  
LOD: Giới hạn phát hiện/ LOD: Limit of Detection.  
(\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)  
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

ThS. Nguyễn Văn Tâm



Số/ No: 32762.2510/KQ-VTT

Mã số/ Code: KH.12732 2510

Mã số mẫu/ Sample code: PTN.31395 2510

Trang/ Page: 1/ 1

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN  
Địa chỉ/ Address : Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/10/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 07-13/10/2025  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 14/10/2025  
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 1 lít  
Tên mẫu/ Name of sample : Nước trên mạng 1 Nhà máy nước Đồng Xuân  
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

| STT/<br>No. | CHỈ TIÊU<br>THỬ NGHIỆM/<br>PARAMETERS | PHƯƠNG PHÁP<br>PHÂN TÍCH/<br>TESTING METHOD | KẾT QUẢ/<br>RESULT               | ĐƠN VỊ TÍNH/<br>UNIT |
|-------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------|----------------------|
| 1.          | Arsenic (As) (*)                      | SMEWW 3030A,E:2023<br>SMEWW 3113B:2023      | Không phát hiện<br>(LOD = 0,002) | mg/L                 |

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện/ LOD: Limit of Detection.

(\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG  
QUALITY MANAGER



ThS. Huỳnh Ngọc Trương



GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR



ThS. Nguyễn Văn Tâm

Số/ No: 32763.2510/KQ-VTT  
Mã số/ Code: KH.12732 2510  
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.31396 2510  
Trang/ Page: 1/ 1**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**  
Địa chỉ/ Address : **Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk**  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **07/10/2025** Thời gian phân tích/ Time of analysis: **07-13/10/2025**  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : **14/10/2025**  
Loại mẫu/ Kind of sample : **Nước sạch** Số lượng mẫu/ Quantity of sample: **1 lít**  
Tên mẫu/ Name of sample : **Nước trên mạng 2 Nhà máy nước Đồng Xuân**  
Tình trạng mẫu / State of sample : **Đựng trong can nhựa**

| STT/<br>No. | CHỈ TIÊU<br>THỬ NGHIỆM/<br>PARAMETERS | PHƯƠNG PHÁP<br>PHÂN TÍCH/<br>TESTING METHOD | KẾT QUẢ/<br>RESULT               | ĐƠN VỊ TÍNH/<br>UNIT |
|-------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------|----------------------|
| 1.          | Arsenic (As) (*)                      | SMEWW 3030A,E:2023<br>SMEWW 3113B:2023      | Không phát hiện<br>(LOD = 0,002) | mg/L                 |

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.  
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.  
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.  
LOD: Giới hạn phát hiện/ LOD: Limit of Detection.  
(\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)  
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER****ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng****GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR****ThS. Nguyễn Văn Tâm**